

**KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ CÔNG NHẬN BIẾT TIẾNG VIỆT THÀNH THẠO HOẶC
SỬ DỤNG THÀNH THẠO NGÔN NGỮ KHÁC HOẶC ĐỦ TRÌNH ĐỘ PHIÊN DỊCH
TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**
Ngày thi: 13/12/2025

STT	Họ và tên	Phái	Quốc tịch	Điểm	Kết quả
Tiếng Anh : Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong khám bệnh, chữa bệnh					
1	SAITO AKIRA	Nam	Nhật Bản	5.2	Đạt
2	KIM BONGSU	Nam	Hàn Quốc	3.9	Không Đạt
3	GO BYEONGHO	Nam	Hàn Quốc	7.6	Đạt
4	SONG BYUNGKEUN	Nam	Hàn Quốc	7.4	Đạt
5	CHUNG BYUNGKWON	Nam	Hàn Quốc	7.8	Đạt
6	KIM DONGMIN	Nam	Hàn Quốc	6.9	Đạt
7	SEO DONGJU	Nam	Hàn Quốc	6.6	Đạt
8	KURITA ERINA	Nữ	Nhật Bản	5.7	Đạt
9	DOH GYEONGHYEON	Nam	Hàn Quốc	7.6	Đạt
10	CHUNG HEEBUM	Nam	Hàn Quốc	Vắng	Không Đạt
11	YANG HOCHERL	Nam	Hàn Quốc	6.0	Đạt
12	YU HYEMI	Nữ	Hàn Quốc	6.6	Đạt
13	KIM HYUNGMOON	Nam	Hàn Quốc	7.4	Đạt
14	CHO HYUNKEUN	Nam	Hàn Quốc	6.4	Đạt

15	YANG	HYUNSOL	Nữ	Hàn Quốc	8.1	Đạt
16	KIM	IL CHUN	Nam	Hàn Quốc	6.5	Đạt
17	JEON	JAE GYU	Nam	Hàn Quốc	5.2	Đạt
18	PARK	JAEKWANG	Nam	Hàn Quốc	8.2	Đạt
19	KIM	JEEHEE	Nữ	Hàn Quốc	7.4	Đạt
20	KWAK	JEONGHO	Nam	Hàn Quốc	5.7	Đạt
21	LEE	JEONGMIN	Nữ	Hàn Quốc	8.1	Đạt
22	PARK	JIHOON	Nam	Hàn Quốc	6.8	Đạt
23	CHOI	JIHOON	Nam	Hàn Quốc	7.1	Đạt
24	JEON	JIHYUN	Nữ	Hàn Quốc	7.6	Đạt
25	KIM	JINKU	Nam	Hàn Quốc	7.0	Đạt
26	MYUNG	JIYUN	Nữ	Hàn Quốc	5.5	Đạt
27	KIM	JONGYUP	Nam	Hàn Quốc	Vắng	Không Đạt
28	KIM	JUNGHAN	Nam	Hàn Quốc	6.7	Đạt
29	CHOI	JUNHWAN	Nam	Hàn Quốc	6.1	Đạt
30	LEE	JUNSEUNG	Nam	Hàn Quốc	7.9	Đạt
31	PARK	KIL SANG	Nam	Hàn Quốc	4.4	Không Đạt
32	KIM	KUNWOO	Nam	Hàn Quốc	6.3	Đạt
33	KIM	KYOUNG HO	Nam	Hàn Quốc	5.1	Đạt
34	JANG	KYU JIN	Nam	Hàn Quốc	7.1	Đạt

35	KITAMURA	MAYU	Nữ	Nhật Bản	6.3	Đạt
36	JEONG	MIN HO	Nam	Hàn Quốc	5.6	Đạt
37	KIM	MIN JU	Nữ	Hàn Quốc	7.4	Đạt
38	KIM	MOCK RYEON	Nữ	Hàn Quốc	6.1	Đạt
39	LEE	MUYOUNG	Nam	Hàn Quốc	7.1	Đạt
40	HYUN	SANGYUN	Nam	Hàn Quốc	6.9	Đạt
41	LEE	SEUNGHYUN	Nam	Hàn Quốc	6.4	Đạt
42	LEE	SEUNGHYUN	Nam	Hàn Quốc	6.1	Đạt
43	IZUI	SHUSUKE	Nam	Nhật Bản	5.0	Đạt
44	KIM	TAE YOUNG	Nam	Hàn Quốc	4.7	Không Đạt
45	SIM	WONJIN	Nam	Hàn Quốc	4.2	Không Đạt
46	LEE	YEHLIM	Nữ	Hàn Quốc	6.0	Đạt
47	LIM	YONGSEOK	Nam	Hàn Quốc	7.3	Đạt
48	LEE	YOU JUNG	Nữ	Hàn Quốc	7.1	Đạt
49	PHÚ QUỐC	AN	Nam	Việt Nam	3.6	Không Đạt
50	VÕ THIÊN	ÂN	Nam	Việt Nam	5.5	Đạt
51	NGUYỄN THUY ĐAN	ANH	Nữ	Việt Nam	8.9	Đạt
52	NGÔ ĐỨC	ANH	Nam	Việt Nam	5.9	Đạt
53	HỒ NGỌC	BẢO	Nam	Việt Nam	7.3	Đạt
54	HUỲNH THỊ NGỌC	BÍCH	Nữ	Việt Nam	6.0	Đạt

55	LÊ THỊ MINH	CHÂU	Nữ	Việt Nam	6.7	Đạt
56	NGUYỄN ĐÌNH	CHINH	Nam	Việt Nam	5.8	Đạt
57	VI VĂN	CUỜNG	Nam	Việt Nam	1.3	Không Đạt
58	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	Nam	Việt Nam	5.7	Đạt
59	NGUYỄN HỮU	ĐOÀN	Nam	Việt Nam	5.3	Đạt
60	NGUYỄN QUANG	DUY	Nam	Việt Nam	6.7	Đạt
61	QUÁCH TRIỀU	GIANG	Nam	Việt Nam	7.2	Đạt
62	NGUYỄN THỤY BẢO	HÀ	Nữ	Việt Nam	6.3	Đạt
63	LÝ THỊ MỸ	HẢO	Nữ	Việt Nam	6.9	Đạt
64	LÊ CHÍ	HIẾU	Nam	Việt Nam	5.7	Đạt
65	QUÁCH THỊ MINH	HƯƠNG	Nữ	Việt Nam	8.1	Đạt
66	NGUYỄN TAM XUÂN	KIỆT	Nam	Việt Nam	8.6	Đạt
67	PHẠM THỊ	LANH	Nữ	Việt Nam	5.0	Đạt
68	TRƯƠNG ÁI	LINH	Nữ	Việt Nam	5.6	Đạt
69	PHẠM GIA	LỘC	Nam	Việt Nam	4.2	Không Đạt
70	PHẠM THỊ	LƯƠNG	Nữ	Việt Nam	5.0	Đạt
71	TRÀ THỊ NHẬT	MAI	Nữ	Việt Nam	6.7	Đạt
72	NGUYỄN TỔ	NA	Nữ	Việt Nam	7.4	Đạt
73	BÙI PHƯƠNG	NAM	Nam	Việt Nam	7.3	Đạt
74	PHAN THỊ BẢO	NGA	Nữ	Việt Nam	7.7	Đạt

75	ĐỨC HOÀNG VƯƠNG	NGỌC	Nữ	Việt Nam	6.9	Đạt
76	HOÀNG TIẾN	PHÁT	Nam	Việt Nam	5.9	Đạt
77	LÊ QUANG	PHÚC	Nam	Việt Nam	7.7	Đạt
78	HỒ THỊ KIM	PHỤNG	Nữ	Việt Nam	7.1	Đạt
79	MAI VIỄN	PHƯƠNG	Nam	Việt Nam	6.0	Đạt
80	BÙI THANH	SƠN	Nam	Việt Nam	6.0	Đạt
81	VŨ MINH	TÂN	Nam	Việt Nam	4.2	Không Đạt
82	PHAN THỊ HIỀN	THU	Nữ	Việt Nam	5.5	Đạt
83	NGUYỄN MINH	THU	Nữ	Việt Nam	7.3	Đạt
84	PHẠM MINH	THUẬN	Nam	Việt Nam	4.4	Không Đạt
85	NGUYỄN THỊ MỸ	TIỀN	Nữ	Việt Nam	7.5	Đạt
86	NGUYỄN PHẠM MINH	TRÍ	Nam	Việt Nam	Vắng	Không Đạt
87	VÕ MINH	TÚ	Nam	Việt Nam	4.5	Không Đạt
88	NGUYỄN ANH	TUẦN	Nam	Việt Nam	4.3	Không Đạt
89	VƯƠNG HUY	TUẦN	Nam	Việt Nam	5.8	Đạt
90	NGUYỄN VĂN	TÙNG	Nam	Việt Nam	6.1	Đạt
91	HỒ THỊ THỦY	TÙNG	Nữ	Việt Nam	5.9	Đạt
92	NGUYỄN HOÀNG	VY	Nữ	Việt Nam	6.5	Đạt
93	TRƯỜNG THỊ THÚY	VY	Nữ	Việt Nam	4.4	Không Đạt

Tiếng Anh : Đủ trình độ phiên dịch tiếng Anh trong khám bệnh, chữa bệnh

1	NGUYỄN HẢI ANH	Nữ	Việt Nam	6.8	Đạt
2	HỒ THỰC ANH	Nữ	Việt Nam	5.5	Đạt
3	NGUYỄN THÙY LAN ANH	Nữ	Việt Nam	5.9	Đạt
4	NGUYỄN THỊ MINH ANH	Nữ	Việt Nam	5.9	Đạt
5	HUỲNH THÁI CHÂN	Nữ	Việt Nam	5.4	Đạt
6	PHẠM THỊ NGÂN HÀ	Nữ	Việt Nam	1.6	Không Đạt
7	NGUYỄN THỦY BÍCH HÂN	Nữ	Việt Nam	6.3	Đạt
8	BÙI NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	Việt Nam	7.6	Đạt
9	NGUYỄN THỊ THÁI HÒA	Nữ	Việt Nam	6.7	Đạt
10	HỒ THỊ THANH HOÀI	Nữ	Việt Nam	7.1	Đạt
11	NGUYỄN TĂNG LAN HƯƠNG	Nữ	Việt Nam	6.4	Đạt
12	VŨ TRẦN ĐÌNH HUY	Nam	Việt Nam	8.1	Đạt
13	LÊ THOẠI NGỌC LINH	Nữ	Việt Nam	3.2	Không Đạt
14	DƯƠNG BÍCH LOAN	Nữ	Việt Nam	7.5	Đạt
15	TRẦN THANH LONG	Nam	Việt Nam	6.6	Đạt
16	MAI THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	Việt Nam	7.0	Đạt
17	BÙI GIA NHƯ	Nữ	Việt Nam	6.8	Đạt
18	NGUYỄN PHẠM Ý NHƯ	Nữ	Việt Nam	6.1	Đạt
19	UÔNG THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	Việt Nam	6.6	Đạt

20	VŨ THỊ CẨM	NHUNG	Nữ	Việt Nam	6.1	Đạt
21	NGUYỄN PHAN	PHI	Nam	Việt Nam	3.9	Không Đạt
22	LÊ THỊ NAM	PHƯƠNG	Nữ	Việt Nam	7.8	Đạt
23	TRẦN NGỌC NAM	PHƯƠNG	Nữ	Việt Nam	6.8	Đạt
24	HUỖNH KIM	PHƯƠNG	Nữ	Việt Nam	5.3	Đạt
25	LÊ MINH	QUANG	Nam	Việt Nam	7.9	Đạt
26	VŨ XUÂN	QUANG	Nam	Việt Nam	7.7	Đạt
27	NGUYỄN HOÀNG	QUÝ	Nam	Việt Nam	7.2	Đạt
28	VŨ THỊ	QUYÊN	Nữ	Việt Nam	6.7	Đạt
29	HUỖNH PHẠM NHƯ	QUỖNH	Nữ	Việt Nam	5.5	Đạt
30	THẠCH HOÀNG	SƠN	Nam	Việt Nam	6.3	Đạt
31	LÊ THANH	TÀI	Nam	Việt Nam	5.7	Đạt
32	LÊ MINH	THẮNG	Nam	Việt Nam	2.7	Không Đạt
33	NGUYỄN THẾ GIANG	THANH	Nữ	Việt Nam	6.2	Đạt
34	LA	THÀNH	Nam	Việt Nam	6.1	Đạt
35	VŨ HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	Nữ	Việt Nam	3.8	Không Đạt
36	NGUYỄN THỊ	THÔI	Nữ	Việt Nam	7.0	Đạt
37	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	Nữ	Việt Nam	4.6	Không Đạt
38	MAI XUÂN	TIẾN	Nam	Việt Nam	6.0	Đạt
39	NGUYỄN ĐỖ CAO	TRÍ	Nam	Việt Nam	6.3	Đạt

40	HUỖNH LÊ THANH HIỀN	VÂN	Nữ	Việt Nam	6.1	Đạt
41	PHAN VŨ TƯỜNG	VI	Nữ	Việt Nam	4.5	Không Đạt
42	ĐỖ QUỐC	VĨNH	Nam	Việt Nam	5.1	Đạt
43	TRẦN ANH	VŨ	Nam	Việt Nam	7.9	Đạt
44	NGUYỄN TRƯỞNG VĨNH	XUÂN	Nam	Việt Nam	6.6	Đạt
45	PHẠM HUỖNH MINH	Ý	Nữ	Việt Nam	5.9	Đạt
46	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	Nữ	Việt Nam	3.2	Không Đạt

Tiếng Anh : Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong khám bệnh, chữa bệnh (Xét hồ sơ công nhận)

1	VƯƠNG TƯỜNG	AN	Nam	Việt Nam	Xét công nhận	Đạt
2	LƯƠNG VŨ QUỲNH	ANH	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Không Đạt
3	PHÙNG MẠNH	CUÔNG	Nam	Việt Nam	Vắng	Không Đạt
4	TRẦN THANH DUY	LINH	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Đạt
5	NGUYỄN NHẬT	NAM	Nam	Việt Nam	Xét công nhận	Đạt
6	TRẦN THỊ THANH	NGA	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Không Đạt
7	NGUYỄN PHI	PHÚ	Nam	Việt Nam	Xét công nhận	Không Đạt
8	TRẦN KIM	THẠCH	Nam	Việt Nam	Xét công nhận	Không Đạt
9	ĐÀO THỊ HƯƠNG	THỦY	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Đạt
10	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Đạt
11	NGUYỄN NAM	VÂN	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Đạt
12	ĐÀO THỊ ANH	VINH	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Đạt

13	ĐU PHƯƠNG THUY	VY	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Không Đạt
14	NGÔ THỊ NGỌC	YẾN	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Không Đạt
Tiếng Anh : Đủ trình độ phiên dịch tiếng Anh trong khám bệnh, chữa bệnh (Xét hồ sơ công nhận)						
1	TRẦN THANH DUY	LINH	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Đạt
2	HỨA BÙI KHÁNH	LINH	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Đạt
3	VŨ DƯƠNG	QUYẾT	Nam	Việt Nam	Xét công nhận	Đạt
4	ĐÀO THỊ HƯƠNG	THỦY	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Đạt
5	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Đạt
6	NGUYỄN NAM	VÂN	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Đạt
7	NGÔ THỊ NGỌC	YẾN	Nữ	Việt Nam	Xét công nhận	Không Đạt

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 23 tháng 12 năm 2025



P. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Anh Tuấn